TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ MỸ THO** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **74**/2020/DS-ST
Ngày 25 tháng 9 năm 2020
V/v tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ MỸ THO, TỈNH TIỀN GIANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huyền Ni.

Các Hội thẩm nhân nhân dân:

1. Bà Đoàn Huỳnh Cúc.

2. Ông Nguyễn Thanh Tăng.

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Nguyễn Tuấn Tín - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

Ngày tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 161/2019/TLST- DS, ngày 25/12/2019 về tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 96/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **Đỗ Khánh P**, sinh năm 1962;

Địa chỉ: Ấp M, xã T, thành phố M, tỉnh T.

2. Bị đơn: Anh **Nguyễn Quang H**, sinh năm 1984;

Địa chỉ: Ấp B, xã T, thành phố M, tỉnh T.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà **Huỳnh Thị Minh P1**, sinh năm 1958;

Địa chỉ: Ấp B, xã T, thành phố M, tỉnh T.

(Có mặt ông P, vắng mặt anh H và bà P1)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 22/6/2020, đơn xin thay đổi yêu cầu khởi kiện ngày 28/7/2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là ông Đỗ Khánh P trình bày:

Do quen biết nên ông có cho anh Nguyễn Quang H vay tiền nhiều lần, cụ thể là ngày 18/9/2016 âm lịch vay 30.000.000 đồng, ngày 28/9/2016 âm lịch vay 20.000.000 đồng, ngày 11/10/2016 âm lịch vay 50.000.000 đồng, tổng cộng là 100.000.000 đồng, không thoả thuận lãi suất. Anh H có viết biên nhận nhưng không

có ký tên. Thời hạn trả là khi anh H bán được đất. Anh H đã trả được 5.000.000 đồng. Ngày 01/11/2016, mẹ của anh H là bà Huỳnh Thị Minh P1 có viết giấy bảo lãnh số tiền 90.000.000 đồng cho anh H. Năm 2018, bán được đất nhưng anh H, bà P1 vẫn không trả tiền cho ông mặc dù ông nhiều lần đến nhà nhắc nhở. Ngày 28/12/2019, tại biên bản hoà giải tại ấp B, xã T, thành phố M, ông yêu cầu Anh H trả số tiền 95.000.000 đồng còn nợ, anh H xác nhận có vay của ông 100.000.000 đồng nhưng không có khả năng chi trả. Do đó, ông khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh H phải trả cho ông số tiền vay còn nợ là 95.000.000 đồng và tiền lãi theo lãi suất 10%/năm từ ngày 28/01/2020 cho đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm; Nếu anh H không trả được nợ thì yêu cầu bà P1 trả số tiền 90.000.000 đồng theo giấy bảo lãnh ngày 01/11/2016.

* Bị đơn là anh Nguyễn Quang H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Huỳnh Thị Minh P1 đã được Toà án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh Huy và bà P1 không đến Tòa án và không có ý kiến gì về yêu cầu khởi kiện của ông Phương.

* Tại phiên tòa, Ông P vẫn giữ yêu cầu khởi kiện, yêu cầu anh H trả cho ông số tiền vay còn nợ là 95.000.000 đồng và tiền lãi theo lãi suất 10%/năm từ ngày 28/01/2020 cho đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm; Nếu anh H không trả được nợ thì yêu cầu bà P trả số tiền 90.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi thẩm tra xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nghe lời trình bày và phát biểu tranh luận của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ pháp luật*: Nguyên đơn là ông Đỗ Khánh P khởi kiện yêu cầu anh Nguyễn Quang H trả số tiền vay, nếu anh H không trả được thì yêu cầu bà Huỳnh Thị Minh P1 thực hiện theo giấy bảo lãnh nên đây là vụ án tranh chấp vay tài sản và hợp đồng bảo lãnh được quy định tại Điều 335 và Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015.

[2] *Về thủ tục tố tụng*: Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng đối với anh Nguyễn Quang H và bà Huỳnh Thị Minh P1 đến Tòa án nhưng anh vẫn vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử thấy cần áp dụng khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt đối với anh H và bà P1.

[3] *Về yêu cầu của đương sự*:

Xét thấy tại biên bản hoà giải ngày 28/12/2019 tại ấp B, xã T, thành phố M anh H thừa nhận có vay của ông P số tiền 100.000.000 đồng, thể hiện ý chí thỏa thuận của bên cho vay tài sản và bên vay tài sản được quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015. Ông P đòi lại số tiền 95.000.000 đồng mà anh H còn nợ ông do ông P và anh H thoả thuận anh H trả dần mỗi tháng 5.000.000 đồng cho ông đến khi hết số tiền 100.000.000 đồng, nhưng anh H chỉ trả được một lần là 5.000.000 đồng và anh H trình bày không có khả năng chi trả nên anh đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015.

Tại giấy bảo lãnh ngày 01/11/2016 thể hiện bà Huỳnh Thị Minh P1 là người bảo lãnh, anh H là người được bảo lãnh, ông P là người nhận bảo lãnh, số tiền bảo lãnh là 90.000.000 đồng, bà đồng ý nếu anh H không trả được nợ thì bà sẽ trả số tiền này cho ông P, giấy bảo lãnh này có đầy đủ chữ ký, chữ viết họ tên của bà Huỳnh Thị Minh P1. Vì vậy, nếu anh H không có khả năng trả 90.000.000 đồng thì bà P1 có nghĩa vụ trả 90.000.000 đồng cho ông P theo khoản 2 Điều 335, khoản 1 Điều 336 và khoản 1 Điều 339 Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì anh H phải có nghĩa vụ cung cấp chứng cứ, chứng minh, đối chất số tiền đã vay; Bà P1 phải có nghĩa vụ cung cấp chứng cứ, chứng minh, đối chất về số tiền đã bảo lãnh hoặc anh H, bà P phải cung cấp chứng cứ đã thanh toán tiền cho ông P. Tuy nhiên, trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, anh H và bà P1 không đến Tòa án cung cấp chứng cứ, đối chất về số tiền đã vay, đã bảo lãnh và đã thanh toán. Do đó, căn cứ vào lời khai và chứng cứ là biên bản hoà giải ngày 28/12/2019 và giấy bảo lãnh ngày 01/11/2016 có đủ cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông P.

[4] *Về lãi suất*: Ông P yêu cầu anh H trả số tiền lãi theo lãi suất 10%/năm từ ngày 28/01/2020 cho đến ngày Toà án xét xử sơ thẩm là 7 tháng 28 ngày. Xét thấy, anh H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên yêu cầu tiền lãi chậm trả của ông P là phù hợp với quy đinh tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 và khoản 1 Điều 5 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Tiền lãi anh H phải trả theo yêu cầu của ông P:

95.000.000 đồng x 10%/12/30 x [(7 x 30) + 28] = 6.280.555,56 đồng.

[5] *Về án phí*: Anh H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp về dân sự có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 335, 336, 339, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91; Điều 147; khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 5 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Khánh P.

Buộc anh Nguyễn Quang H có trách nhiệm trả cho ông Đỗ Khánh P số tiền vốn vay là 95.000.000 đồng và tiền lãi là 6.280.555,56 đồng, tổng cộng là 101.280.556 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Nếu anh H không có khả năng trả 90.000.000 đồng thì bà P1 có nghĩa vụ trả 90.000.000 đồng cho ông P.

3. Về án phí: Anh Nguyễn Quang H phải chịu 5.064.028 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp về dân sự có giá ngạch.

Hoàn lại cho ông Đỗ Khánh P số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.250.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0001689 ngày 30/6/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND TP Mỹ Tho;
- Chi cục THADS TP Mỹ Tho;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Huyền Ni